HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP ĐỢT 2/2023

Khoá : 4, 5,6,7, LT

Kính gửi: - Giám đốc Học viện
- Tổ Kiểm tra Hồ sơ và điều kiện tôt nghiệp

'X" là Đạ

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Ngành	Nơi sinh	Dân tộc	Chuyên ngành	Đào tạo xác nhận theo QT trước l			
										Môn bắt buộc HT	Điểm TBCTL	Số TC tích luỹ	Xếp loại TN
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*				*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(19)*
1	155GPT0120	Trần Vũ	Quân	14/3/1996	K3GIOI	Giới và phát triển	Hà Nội			x			Song ngành
2	1553810219	Phạm Đức	Tôn	19/2/1997	K3LUAT	Quản trị kinh doanh	Hà Nội			x			Song ngành
3	1753190066	Chu Huyền	Trang	13/12/1999	K5GIOI	Luật							Song ngành
4	1753190043	Nguyễn Thị Khánh	Linh	21/9/1999	K7LUATA	Luật							Song ngành
5	1657610181	Hoàng Huyền	Trang	31/08/1998	K4CTXHB	Công tác xã hội	Tỉnh Điện Biên	Kinh		x	2.66	124	Khá
6	1653810121	Tô Thu Nhật	Linh	09/11/1997	K4LUATB	Luật	Tỉnh Hà Nam	Kinh	LHC	x	2.29	130	Trung bình
7	1653810040	Nguyễn Thị Thùy	Dung	07/06/1998	K4LUATC	Luật	Tỉnh Lai Châu	Kinh	LHC	x	2.45	128	Trung bình
8	1653810087	Hà Thị	Huệ	19/04/1998	K4LUATC	Luật	Tỉnh Yên Bái	Tày	LHC		2.39	134	Trung bình
9	1753190023	Bùi Ngọc	Hiệp	19/08/1998	K5GIOIA	Giới và Phát triển					2.86	128	Khá
10	1753810055	Hồ Thị Thu	Hà	25/08/1999	K5LUATC	Luật	Nam Định	Kinh	PLBG		2.72	128	Khá
11	1753430045	Vũ Khánh	Hạ	11/04/1999	K5QTDLA	Quản trị du lịch và lữ hành	Hà Nội	Kinh	QTKS		2.50	121	Khá
12	1753240095	Trần Thị Minh	Tâm	13/04/1999	K5TTPTA	Truyền thông đa phương tiện	Nam Định	Kinh			2.38	126	Trung bình
13	1753240119	Đào Ngọc	Trinh	28/06/1999	K5TTPTB	Truyền thông đa phương tiện	Hà Nội	Kinh			2.44	122	Trung bình

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Ngành	Nơi sinh	Dân tộc	Chuyên ngành	Đào tạo xác nhận theo QT trước l			
										Môn bắt buộc HT	Điểm TBCTL	Số TC tích luỹ	Xếp loại TN
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*				*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(19)*
14	1873810015	Nguyễn Lệ	Hằng	16/07/2000	K6LUATA	Luật	Hà Giang	Kinh	LHC		2.75	132	Khá
15	1873810067	Phạm Gia	Hân	12/11/2000	K6LUATB	Luật	Hà Nội	Kinh	LKT		2.73	131	Khá
16	1873810105	Phạm Quỳnh	Trang	18/08/2000	K6LUATB	Luật	Vĩnh Phúc	Kinh	LKT		2.64	135	Khá
17	1873810122	Nguyễn Thúy	Hằng	20/12/2000	K6LUATC	Luật	Yên Bái	Kinh	LHC		2.47	132	Trung bình
18	1873430023	Hoàng Mạnh	Hùng	03/03/2000	K6QTDLA	Quản trị du lịch và lữ hành	Tuyên Quang	Tày	QTKS		2.53	121	Khá
19	1873410109	Nguyễn Xuân Hải	Linh	01/04/2000	K6QTKDA	Quản trị kinh doanh	Hà Nội	Kinh	TMDT		2.75	137	Khá
20	1873410020	Trần Thanh	Huyền	15/07/2000	K6QTKDA	Quản trị kinh doanh	Thanh Hóa	Kinh	TCNS		2.59	136	Khá
21	1873410084	Vũ Trà	Mi	21/08/2000	K6QTKDB	Quản trị kinh doanh	Hà Nội	Kinh	TMDT		2.69	136	Khá
22	1873410088	Lưu Minh	Phương	03/11/2000	K6QTKDB	Quản trị kinh doanh	Hà Nội	Kinh	TMDT		2.58	136	Khá
23	1873410104	Nguyễn Diệu	Vy	27/03/2000	K6QTKDB	Quản trị kinh doanh	Hà Nội	Kinh	TMDT		2.55	136	Khá
24	1873240025	Lê Trung	Kiên	02/02/1999	K6TTDPTA	Truyền thông đa phương tiện	Lai Châu	Kinh			2.64	123	Khá
25	1977610006	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/11/2000	K7CTXH	Công tác xã hội	Hà Nội	Kinh			3.05	120	Khá
26	1977610013	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	03/12/2001	K7CTXH	Công tác xã hội	Tuyên Quang	Kinh			2.67	120	Khá
27	1977610036	Vương Xuân	Thảo	12/06/2001	K7CTXH	Công tác xã hội	Lào Cai	Giaý			3.03	120	Khá
28	1977610040	Hà Thu	Trang	02/10/2001	K7CTXH	Công tác xã hội	Hà Nội	Kinh			3.13	123	Khá
29	1977610042	Nguyễn Dư Thảo	Vân	15/10/2001	K7CTXH	Công tác xã hội	Ninh bình	Kinh			3.03	120	Khá
30	1973190003	Trần Minh	Anh	10/02/2001	K7GIOI	Giới và Phát triển	Hà Nội	Kinh			3.04	122	Khá
31	1973190013	Nguyễn Minh	Huyền	01/09/2001	K7GIOI	Giới và Phát triển	Hà Nội	Kinh			3.09	122	Khá

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Ngành	Nơi sinh	Dân tộc	Chuyên ngành	Đào tạo xác nhận theo QT trước l			
										Môn bắt buộc HT	Điểm TBCTL	Số TC tích luỹ	Xếp loại TN
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*				*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(19)*
32	1973190015	Nguyễn Thị Thanh	Lịch	06/11/2001	K7GIOI	Giới và Phát triển	Hà Nội	Kinh			3.01	120	Khá
33	1973190001	Lê Thị	Nhớ	23/10/2001	K7GIOI	Giới và Phát triển	Hà Nội	Kinh			3.53	120	Giỏi
34	1973190019	Bùi Nhật	Phong	09/12/2000	K7GIOI	Giới và Phát triển	Hà Nội	Kinh			3.05	122	Khá
35	1973190030	Vũ Phương	Thảo	07/11/2000	K7GIOI	Giới và Phát triển	Hà Nội	Kinh			2.97	120	Khá
36	1973190028	Vàng Thị	Việt	01/10/2001	K7GIOI	Giới và Phát triển	Lai Châu	Kinh			3.09	124	Khá
37	1973810120	Trần Hải	Yến	17/06/1997	K7LUATA	Luật	Quảng Ninh	Sán Dìu	LDS		3.46	120	Giỏi
38	1973810007	Nguyễn Trần Đức	Anh	05/01/2000	K7LUATA	Luật	Hà Nội	Kinh	LHC		2.78	122	Khá
39	1973810022	Ngô Thùy	Dương	28/08/2001	K7LUATA	Luật	Hải Dương	Kinh	LHC		3.02	121	Khá
40	1973810124	Đinh Thị Thúy	Hằng	23/09/2001	K7LUATA	Luật	Ninh Bình	Kinh	LHC		3.31	122	Giỏi
41	1973810103	Nguyễn Linh	Trang	28/02/2001	K7LUATA	Luật			LKT		2.75	120	Khá
42	1973810021	Lê Thị Phương	Dung	07/05/2001	K7LUATB	Luật	Hồ Chí MInh	Kinh	LDS		3.25	120	Giỏi
43	1973810090	Lã Tiến	Thành	19/07/2001	K7LUATB	Luật	Lạng Sơn	Tày	LDS		3.39	124	Giỏi
44	1973810004	Dương Quỳnh	Anh	08/10/2001	K7LUATB	Luật	Phú Thọ	Mường	LKT		2.89	120	Khá
45	1973810013	Nguyễn Hoàng	Anh	22/11/2001	K7LUATB	Luật	Nghệ An	Kinh	LKT		2.80	120	Khá
46	1973810097	Lô Thị Mai	Thùy	10/04/2001	K7LUATB	Luật	Cao Bằng	Tày	LKT		2.78	121	Khá
47	1978130009	Nguyễn Nguyệt	Anh	04/10/2001	K7QTDLA	Quản trị du lịch và lữ hành	Hà Nội	Kinh	QTKS		2.65	120	Khá
48	1978130056	Nguyễn Trà	Giang	09/01/2001	K7QTDLA	Quản trị du lịch và lữ hành	Hà Nội	Kinh	QTKS		2.87	120	Khá
49	1978130063	Hoàng Thị	Hà	20/07/2001	K7QTDLA	Quản trị du lịch và lữ hành	Hà Nội	Kinh	QTKS		2.75	120	Khá

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Ngành	Nơi sinh	Dân tộc	Chuyên ngành	Đào tạo xác nhận theo QT trước I			
										Môn bắt buộc HT	Điểm TBCTL	Số TC tích luỹ	Xếp loại TN
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*				*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(19)*
50	1978130083	Lê Thị Thu	Hiền	02/11/2001	K7QTDLA	Quản trị du lịch và lữ hành	Hà Nội	Kinh	QTKS		2.67	120	Khá
51	1978130090	Lã Thu	Hòa	01/12/2000	K7QTDLA	Quản trị du lịch và lữ hành	Hà Nội	Kinh	QTKS		2.62	120	Khá
52	1978130143	Phí Nguyệt Hương	Ly	01/05/2001	K7QTDLA	Quản trị du lịch và lữ hành	Hà Nội	Kinh	QTKS		2.68	120	Khá
53	1978130172	Lưu Thị	Ngọc	16/04/2001	K7QTDLA	Quản trị du lịch và lữ hành	Vĩnh Phúc	Kinh	QTKS		2.97	120	Khá
54	1978130233	Nguyễn Thị Thanh	Thương	18/08/2001	K7QTDLA	Quản trị du lịch và lữ hành	Quảng Ninh	Kinh	QTKS		2.88	120	Khá
55	1978130033	Kiều Thị	Chi	21/03/2001	K7QTDLA	Quản trị du lịch và lữ hành	Hà Nội	Kinh	QTLH		2.92	120	Khá
56	1978130065	Vũ Bảo	Hân	16/06/2001	K7QTDLA	Quản trị du lịch và lữ hành	Hà Nội	Kinh	QTLH		2.88	120	Khá
57	1978130099	Cao Thị	Hương	13/12/2001	K7QTDLB	Quản trị du lịch và lữ hành	Thanh Hóa	Kinh	QTKS		2.86	120	Khá
58	1978130100	Lê Thị Mai	Hương	25/08/2001	K7QTDLB	Quản trị du lịch và lữ hành	Hải Dương	Kinh	QTKS		2.89	120	Khá
59	1978130101	Ngô Thị Thu	Hương	02/08/2001	K7QTDLB	Quản trị du lịch và lữ hành	Hà Nam	Kinh	QTKS		2.70	120	Khá
60	1978130114	Phạm Thị	Khánh	28/03/2001	K7QTDLB	Quản trị du lịch và lữ hành	Nam Định	Kinh	QTKS		2.94	120	Khá
61	1978130150	Lê Thị	Mai	19/10/2001	K7QTDLB	Quản trị du lịch và lữ hành			QTKS		3.05	120	Khá
62	1978130188	Nguyễn Thị	Nhung	26/08/2001	K7QTDLB	Quản trị du lịch và lữ hành	Hà Nam	Kinh	QTKS		3.03	120	Khá
63	1978130182	Hán Huệ	Như	19/11/2001	K7QTDLB	Quản trị du lịch và lữ hành	Hà Nam	Kinh	QTKS		3.07	120	Khá
64	1978130237	Trịnh Thị Hồng	Tiến	25/02/2001	K7QTDLB	Quản trị du lịch và lữ hành	Nam Định	Kinh	QTKS		2.96	120	Khá
65	1978130021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	12/06/2001	K7QTDLC	Quản trị du lịch và lữ hành	Lai Châu	Kinh	QTKS		2.91	120	Khá
66	1978130041	Nguyễn Gia Phương	Dung	04/11/2001	K7QTDLC	Quản trị du lịch và lữ hành	Bình Định	Kinh	QTKS		2.77	120	Khá
67	1978130161	Trần Thị Thúy	Nga	04/06/2001	K7QTDLC	Quản trị du lịch và lữ hành	Nam Định	Kinh	QTKS		2.78	120	Khá

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Ngành	Nơi sinh	Dân tộc	Chuyên ngành	Đào tạo xác nhận theo QT trước l			
										Môn bắt buộc HT	Điểm TBCTL	Số TC tích luỹ	Xếp loại TN
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*				*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(19)*
68	1978130202	Đỗ Như	Quỳnh	20/08/2001	K7QTDLC	Quản trị du lịch và lữ hành	Lào Cai	Kinh	QTKS		2.74	120	Khá
69	1978130244	Nguyễn Hà	Trang	18/01/2001	K7QTDLC	Quản trị du lịch và lữ hành	Điện Biên	Kinh	QTKS		2.85	120	Khá
70	1978130246	Nguyễn Thu	Trang	15/03/2001	K7QTDLC	Quản trị du lịch và lữ hành	Bắc Giang	Kinh	QTKS		3.04	120	Khá
71	1978130076	Trần Hồng	Hạnh	29/09/2001	K7QTDLC	Quản trị du lịch và lữ hành	Tuyên Quang	Kinh	QTLH		2.94	120	Khá
72	1978130189	Phạm Hồng	Nhung	19/06/2001	K7QTDLC	Quản trị du lịch và lữ hành	Đà Nẵng	Kinh	QTLH		2.81	120	Khá
73	1978130203	Dương Diễm	Quỳnh	12/10/2001	K7QTDLC	Quản trị du lịch và lữ hành	Sơn La	Kinh	QTLH		3.08	120	Khá
74	1978130256	Lý Ngọc	Trinh	14/03/2001	K7QTDLC	Quản trị du lịch và lữ hành	Quảng Trị	Kinh	QTLH		2.68	120	Khá
75	1973410053	Đỗ Thị Ngọc	Huyền	20/12/2001	K7QTKDA	Quản trị kinh doanh	Hà Nội	Kinh	TCDT		2.37	120	Trung bình
76	1973410055	Nguyễn Hữu	Kiên	07/01/1998	K7QTKDA	Quản trị kinh doanh	Hải Dương	Kinh	TCDT		2.84	123	Khá
77	1973410122	Hoàng Thùy	Trang	05/05/2001	K7QTKDA	Quản trị kinh doanh	Hà Nội	Kinh	TCDT		2.82	120	Khá
78	1973410008	Hà Kiều	Anh	31/05/2001	K7QTKDA	Quản trị kinh doanh	Hà Nội	Kinh	TMDT		2.68	120	Khá
79	1973410038	Nguyễn Thị	Hoa	04/12/2001	K7QTKDA	Quản trị kinh doanh	Hà Nội	Kinh	TMDT		2.77	120	Khá
80	1973410042	Nguyễn Quỳnh	Hương	27/11/2001	K7QTKDA	Quản trị kinh doanh	Hà Nội	Kinh	TMDT		2.79	120	Khá
81	1973410058	Bùi Thị	Lan	09/09/2001	K7QTKDA	Quản trị kinh doanh	Hải Dương	Kinh	TMDT		3.14	120	Khá
82	1973410060	Phạm Ngọc	Lan	12/09/1999	K7QTKDA	Quản trị kinh doanh	Hà Nội	Kinh	TMDT		2.96	120	Khá
83	1973410086	Khuất Thị	Ngọc	28/10/2001	K7QTKDA	Quản trị kinh doanh	Hà Nội	Kinh	TMDT		2.71	120	Khá
84	1973410100	Phạm Hà	Phương	13/07/2001	K7QTKDA	Quản trị kinh doanh	Hà Nội	Kinh	TMDT		2.90	122	Khá
85	1973410087	Nguyễn Hồng	Ngọc	15/05/2001	K7QTKDA	Quản trị kinh doanh	Hà Nội	Kinh	TCNS		2.66	122	Khá

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Ngành	Nơi sinh	Dân tộc	Chuyên ngành	Đào tạo xác nhận theo QT trước I			
										Môn bắt buộc HT	Điểm TBCTL	Số TC tích luỹ	Xếp loại TN
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*				*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(19)*
86	1973410001	Bùi Thị Vân	Anh	03/02/2001	K7QTKDB	Quản trị kinh doanh	Bắc Ninh	Kinh	TCNS		2.75	120	Khá
87	1973410041	Trịnh Thị	Hương	26/12/2001	K7QTKDB	Quản trị kinh doanh	Hà Nam	Kinh	TCNS		2.98	120	Khá
88	1973410130	Nguyễn Thị	Tuyết	15/06/2001	K7QTKDB	Quản trị kinh doanh	Bắc Ninh	Kinh	TCNS		3.21	120	Giỏi
89	1973240089	Lý Thị Thanh	Nhã	12/11/2001	K7TTDPTA	Truyền thông đa phương tiện	Hà Nội	Kinh	BCHI		3.18	120	Khá
90	1973240007	Nguyễn Phương	Anh	13/07/2001	K7TTDPTA	Truyền thông đa phương tiện	Hà Nội	Kinh	TKE		3.15	120	Khá
91	1973240050	Nguyễn Thị Thu	Hòa	12/01/2001	K7TTDPTA	Truyền thông đa phương tiện	Hà Nội	Kinh	TKE		3.07	120	Khá
92	1973240055	Nguyễn Lan	Hương	03/01/2001	K7TTDPTA	Truyền thông đa phương tiện	Hà Nội	Kinh	TKE		3.13	120	Khá
93	1973240071	Nguyễn Cẩm	Ly	24/09/2001	K7TTDPTA	Truyền thông đa phương tiện	Hà Nội	Kinh	TKE		2.94	120	Khá
94	1973240080	Bùi Hà	My	25/11/2001	K7TTDPTA	Truyền thông đa phương tiện	Hà nội	Kinh	TKE		2.65	120	Khá
95	1973240087	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	09/04/2001	K7TTDPTA	Truyền thông đa phương tiện	Hà Nội	Kinh	TKE		2.97	120	Khá
96	1973240091	Nguyễn Thu	Nhẫn	22/09/2001	K7TTDPTA	Truyền thông đa phương tiện	Phú Xuyên	Kinh	TKE		3.51	122	Giỏi
97	1973240121	Ngô Thu	Trang	29/10/2001	K7TTDPTA	Truyền thông đa phương tiện	Hà Nội	Kinh	TKE		3.16	120	Khá
98	1973240130	Đặng Thảo	Trinh	11/09/2001	K7TTDPTA	Truyền thông đa phương tiện	Hà Nội	Kinh	TKE		3.09	120	Khá
99	1973240133	Nguyễn Huy	Tùng	18/01/2001	K7TTDPTA	Truyền thông đa phương tiện	Hà Nội	Kinh	TKE		3.56	122	Giỏi
100	1973240137	Phạm Hồng	Vân	28/02/2001	K7TTDPTA	Truyền thông đa phương tiện	Hà Nội	Kinh	TKE		3.48	120	Giỏi
101	1973240028	Nguyễn Huỳnh	Đức	14/11/1997	K7TTDPTB	Truyền thông đa phương tiện			BCHI		3.36	120	Khá
102	1973240049	Dương Thị	Hòa	02/08/2001	K7TTDPTB	Truyền thông đa phương tiện	Vĩnh Phúc	Kinh	BCHI		2.73	121	Khá
103	1973240117	Hoàng Thị Hồng	Thủy	22/09/2001	K7TTDPTB	Truyền thông đa phương tiện	Quảng trị	Kinh	BCHI		2.90	120	Khá

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Ngành	Nơi sinh	Dân tộc	Chuyên ngành	Đào tạo xác nhận theo QT trước I			
										Môn bắt buộc HT	Điểm TBCTL	Số TC tích luỹ	Xếp loại TN
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*				*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(19)*
104	1973240002	Bùi Thị Lan	Anh	11/04/2000	K7TTDPTB	Truyền thông đa phương tiện	Thái Bình	Kinh	TKE		3.12	120	Khá
105	1973240032	Đặng Thị	Duyên	27/05/2001	K7TTDPTB	Truyền thông đa phương tiện	Quảng Ninh	Kinh	TKE		3.01	120	Khá
106	1973240043	Phan Thúy	Hằng	31/08/1997	K7TTDPTB	Truyền thông đa phương tiện			TKE		2.48	120	Trung bình
107	1973240084	Hoàng Thu	Ngân	15/06/2001	K7TTDPTB	Truyền thông đa phương tiện	Hà Nội	Kinh	TKE		2.66	122	Khá
108	1973240108	Nguyễn Thanh	Thảo	24/09/2001	K7TTDPTB	Truyền thông đa phương tiện	Ninh Bình	Kinh	TKE		3.11	121	Khá
109	1973240112	Hoàng Hà Anh	Thư	29/10/2001	K7TTDPTB	Truyền thông đa phương tiện	Hồ Chí MInh	Kinh	TKE		3.13	120	Khá
110	SL21761042	Bùi Văn	Thuần	15/01/1986	LTCTXHSL	Công tác xã hội					3.23	68	Giỏi
111	HB20761054	Vương Thị	Nhung	02/09/1986	LTCTXHHB	Công tác xã hội					3.25	85	Giỏi
112	HB20761056	Lường Thị	Quyết	21/06/1978	LTCTXHHB	Công tác xã hội					2.96	85	Khá
113	LT20761018	Lê Văn	Châu	06/01/1985	LTĐHCQ4	Công tác xã hội					2.97	91	Khá
114	LT20761034	Nguyễn Phạm	Công	31/03/1993	LTĐHCQ4	Công tác xã hội					2.65	91	Khá
115	LT20761026	Đỗ Thị Thu	Hồng	19/09/1984	LTĐHCQ4	Công tác xã hội					2.97	91	Khá
116	LT20761037	Lò Thị	Hương	21/09/1990	LTĐHCQ4	Công tác xã hội					2.83	68	Khá
117	LT20761006	Vũ Diệu	Linh	07/11/1991	LTĐHCQ4	Công tác xã hội					3.53	91	Giỏi
118	LT20761042	Kiều Văn	Luận	16/10/1967	LTĐHCQ4	Công tác xã hội					2.76	91	Khá
119	LT20761035	Phùng Tiến	Tặng	04/01/1972	LTĐHCQ4	Công tác xã hội					3.32	91	Giỏi
120	LT20761019	Nguyễn Thị	Thảo	01/02/1990	LTĐHCQ4	Công tác xã hội					3.01	91	Khá
121	LT20761033	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	30/10/1991	LTĐHCQ4	Công tác xã hội					3.18	91	Khá

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Ngành	Nơi sinh	Dân tộc	Chuyên ngành	Đào tạo xác nhận theo QT trước l			
										Môn bắt buộc HT	Điểm TBCTL	Số TC tích luỹ	Xếp loại TN
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*				*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(19)*
122	LT20761025	Vũ Thị	Thư	22/02/1979	LTĐHCQ4	Công tác xã hội					2.94	91	Khá

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Trưởng phòng Đào tạo

Nguyễn Phi Long